

Số: **237** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **22** tháng **9** năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành pháp luật bảo hiểm thất nghiệp tại
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi
và Trung tâm Dịch vụ việc làm trực thuộc Sở

Thực hiện Quyết định số 336/QĐ-TTr ngày 21/7/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi và Trung tâm dịch vụ việc làm trực thuộc Sở; từ ngày 02/8/2022 đến ngày 05/8/2022 và ngày 19/8/2022, Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Sở LĐTBXH) và Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Trung tâm).

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/9/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về địa phương

- Quảng Ngãi là tỉnh nằm ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên hơn 5.155 km², dân số 1.244.132 người, gồm: thành thị 262.656 người (chiếm 21,11%), nông thôn 981.476 người (chiếm 78,88%). Tỉnh có 13 đơn vị hành chính, trong đó có 01 thành phố, 01 thị xã và 11 huyện.

- Tại thời điểm thanh tra, toàn tỉnh có 4.538 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp với 124.736 lao động đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN), trong đó có 3.793 đơn vị, doanh nghiệp tham gia BHTN với 111.724 người lao động.

2. Thông tin chung về Sở

- Sở LĐTBXH là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cơ cấu tổ chức của Sở LĐTBXH gồm:

+ Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

+ 07 phòng chuyên môn và 04 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, trong đó, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm tiếp nhận, trình Lãnh đạo Sở giải quyết các chế độ về BHTN.

- Trung tâm có 02 Phó giám đốc (01 Phó giám đốc phụ trách) và 04 phòng chuyên môn. Tổng số viên chức và người lao động là 31 người, trong đó có 20 định suất do Cục Việc làm giao.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BHTN

1.1. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 16/7/2021 triển khai Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách BHTN”.

- Đã ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai chính sách về BHTN như: Công văn số 1205/SLĐTBXH-DN ngày 07/6/2021 về việc triển khai đào tạo nghề cho người lao động tham gia BHTN theo Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia BHTN, Công văn số 632/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN ngày 23/3/2022 về việc tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 1074/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN ngày 12/5/2022 về việc giám sát chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN

Sở LĐTBXH đã phối hợp với các cơ quan, ban, ngành tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN trên địa bàn tỉnh, đồng thời giao kế hoạch và chỉ đạo Trung tâm thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến về BHTN, cụ thể:

- Năm 2021: tuyên truyền về chính sách BHTN trên Báo Lao động Xã hội (01 trang/01 số).

- Tổ chức tuyên truyền lồng ghép việc tư vấn, giới thiệu việc làm với lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp.

- 7 tháng đầu năm 2022: tuyên truyền về chính sách BHTN trên Báo Lao động Xã hội (1/2 trang/01 số), in 12.000.000 tờ rơi (tại thời điểm thanh tra, đã phát 9.500 tờ) có nội dung liên quan về chính sách BHTN đến người sử dụng lao động và người lao động.

1.3. Công tác chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, trung tâm, các cơ sở dạy nghề tổ chức thực hiện chính sách BHTN

Đã chỉ đạo Trung tâm thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHTN; bố trí nhân sự, cơ sở vật chất để thực hiện chính sách BHTN; giám sát hoạt động tiếp nhận, thẩm định hồ sơ trình Lãnh đạo Sở LĐTBXH phê duyệt theo quy định.

1.4. Phối hợp giữa ngành LĐTBXH với cơ quan bảo hiểm và các cấp, ngành có liên quan trong việc thực hiện chính sách BHTN

- Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách BHTN, Sở LĐTBXH phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện tuyên truyền chính sách pháp luật BHTN cũng như phối hợp trao đổi nghiệp vụ giải quyết hồ sơ và chi trả trợ cấp thất nghiệp.

- Đã phối hợp với các phòng chuyên môn của Bảo hiểm xã hội tỉnh trong việc giải quyết các chế độ BHTN thông qua quy chế phối hợp.

- Đã ký kết Chương trình phối hợp số 2042/CTPH/BHXH-TTĐVVV ngày 30/12/2016 giữa Trung tâm, BHXH tỉnh và Bưu điện tỉnh về phối hợp giải quyết chính sách BHTN, thường xuyên trao đổi thông tin, kiểm tra, đối chiếu, cung cấp số liệu nhằm đảm bảo việc giải quyết chính sách BHTN cho người lao động đúng quy định.

- Phối hợp với BHXH tỉnh, cơ sở dạy nghề, các đơn vị sử dụng lao động giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách BHTN.

1.5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện pháp luật về BHTN

- Sở LĐTBXH đã báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện pháp luật về BHTN đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND tỉnh theo đúng quy định.

- Trung tâm đã báo cáo định kỳ hằng tháng, quý, năm và các báo cáo nhanh về tình hình thực hiện chính sách pháp luật BHTN đến Sở và Cục Việc làm theo quy định.

1.6. Lưu trữ hồ sơ về BHTN

Hồ sơ BHTN của từng người lao động được Trung tâm lưu trữ riêng, sắp xếp theo thứ tự thời gian, thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết chế độ.

2. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị và ban hành quyết định về chính sách BHTN

- Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra, Trung tâm đã tiếp nhận, thẩm định, trình Giám đốc Sở ban hành quyết định thực hiện chế độ TCTN cho người lao động, cụ thể như sau:

+ Đã tiếp nhận 9.431 hồ sơ đề nghị hưởng TCTN.

+ Đã ban hành 9.226 quyết định hưởng TCTN, 05 hồ sơ không đủ điều kiện hưởng theo quy định, 200 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết.

+ Số người chuyển đi địa phương khác hưởng TCTN: 158 người.

- + Số người nhận chuyển hưởng TCTN từ địa phương khác đến: 86 người.
- + Số người tạm dừng hưởng TCTN: 174 người.
- + Số người tiếp tục hưởng TCTN: 62 người.
- + Số người chấm dứt hưởng TCTN: 718 người.
- + Tổng số tiền hưởng TCTN theo quyết định: 145.655.500.000 đồng.
- + Số quyết định hủy quyết định hưởng TCTN: 196 người; trong đó: 115 người không đến nhận quyết định, 81 người có việc làm.

- Trong thời kỳ thanh tra, không phát sinh việc chuyển sổ bảo hiểm xã hội cho BHXH tỉnh trong trường hợp sau 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn trả kết quả mà người lao động không đến Trung tâm nhận lại sổ BHXH.

- Số quyết định thu hồi hưởng TCTN không đúng quy định (từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra):

- + Tổng số quyết định thu hồi: 85.
- + Tổng số tiền phải thu hồi: 404.341.271 đồng.
- + Tổng số tiền đã thu hồi được: 271.149.528 đồng.

- Tính lũy kế đến thời điểm thanh tra, còn 48 người phải thu hồi quyết định TCTN, với số tiền còn phải thu hồi là 194.627.632 đồng, thuộc trách nhiệm của Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

* Kiểm tra hồ sơ giải quyết chế độ TCTN, còn một số thiếu sót sau:

- Một số thông báo tìm kiếm việc làm không ghi đúng và đầy đủ các nội dung theo mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Quyết định hưởng TCTN số 2468, 2515 ngày 02/6/2022, số 3112, 3054 ngày 24/6/2022 không ghi tên đơn vị, địa chỉ, người trực tiếp liên hệ, vị trí công việc dự tuyển).

- Hồ sơ chấm dứt hưởng TCTN không có bản sao giấy tờ có liên quan đến việc chấm dứt hưởng TCTN theo quy định tại điểm 2 khoản 9 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 (Quyết định số 440, 475, 490, 503, 527 ngày 04/02/2021, số 723 ngày 01/3/2021, số 546, 576 ngày 17/02/2021).

- Hồ sơ hủy quyết định hưởng TCTN ghi sai lý do hủy: Quyết định số 812 ngày 11/3/2021 ghi người lao động đến nhận hồ sơ đề nghị hưởng TCTN vì không có nhu cầu hưởng TCTN nhưng Trung tâm tham mưu ban hành quyết định hủy quyết định hưởng TCTN với lý do người lao động không đến nhận quyết định trong 03 ngày ghi trên phiếu hẹn và không thông báo cho Trung tâm.

3. Tình hình quyết toán chi phí quản lý BHTN

Kinh phí quản lý BHTN từ nguồn Quỹ BHTN được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) phân bổ, giao trực tiếp cho Trung tâm quản lý và sử dụng, cụ thể:

3.1. Năm 2021 (tính đến ngày 31/12/2021)

Kinh phí được sử dụng: 4.910.462.000 đồng (kinh phí dư năm trước chuyển sang 554.700.000 đồng, kinh phí được cấp trong năm 4.355.762.000 đồng).

- Kinh phí Trung tâm đã thực hiện trong năm: 4.020.837.000 đồng.
- Kinh phí Trung tâm đề nghị quyết toán: 4.020.837.000 đồng.
- Kinh phí còn dư đề nghị chuyển sang năm 2022 tiếp tục thực hiện 889.625.000 đồng.

- Trung tâm trích lập các quỹ từ chênh lệch thu, chi nguồn kinh phí chi hoạt động quản lý BHTN (Quyết định số 02/QĐ-TTĐVVL ngày 19/01/2022), cụ thể:

- + Trích lập quỹ bổ sung thu nhập: 422.395.410 đồng.
- + Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 202.607.603 đồng.
- + Trích lập quỹ khen thưởng: 94.622.628 đồng.
- + Trích lập quỹ phúc lợi: 90.804.774 đồng.

(Tại thời điểm thanh tra, Cục Việc làm chưa duyệt quyết toán, chứng từ đang lưu trữ tại Cục Việc làm)

3.2. Năm 2022 (tại thời điểm thanh tra)

- Kinh phí năm 2021 chuyển sang 889.625.000 đồng.
- Kinh phí tạm cấp: 1.695.150.000 đồng.
- Kinh phí đã thực hiện: 924.177.765 đồng.

(Tại thời điểm thanh tra, Cục Việc làm chưa giao kinh phí hoạt động quản lý BHTN năm 2022).

* Kiểm tra Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-TTĐVVL ngày 01/10/2019 có nội dung chung chung hoặc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, cụ thể:

- Điểm 1.3 khoản 1 Điều 4 áp dụng văn bản pháp luật hết hiệu lực: tiền lương làm thêm giờ vào ngày nghỉ được thực hiện theo Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Điểm a khoản 3 Điều 4 quy định chung chung “tiền phòng nghỉ tại nơi công tác theo quy định của Nhà nước”, “Nếu không ngủ khách sạn thì được thanh toán tiền phòng nghỉ theo phương thức khoán chi theo quy định hiện hành của Nhà nước”;

- Điểm 9.2 khoản 9 Điều 4 quy định chung chung “chi cho công tác đào tạo ngắn hạn, đào tạo ngoại ngữ như: nguyên phụ liệu, thù lao giáo viên dạy nghề, giáo viên thỉnh giảng, kiểm tra, cấp chứng chỉ kết thúc khóa học”.

4. Tư vấn, giới thiệu việc làm

4.1. Việc bố trí nhân sự, cơ sở vật chất để tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người hưởng TCTN

Sở đã chỉ đạo Trung tâm bố trí tiếp nhận và giải quyết hưởng các chế độ BHTN cho người lao động tại trụ sở chính, ngoài ra, để tạo điều kiện cho người lao động Trung tâm bố trí 02 điểm tiếp nhận hồ sơ hưởng chế độ TCTN và tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề cho người lao động tại huyện Bình Sơn và huyện Mộ Đức.

4.2. Số người được tư vấn giới thiệu việc làm/số người hưởng TCTN

- Năm 2021: đã tư vấn giới thiệu việc làm cho 9.624 lượt người/5.933 người đang hưởng TCTN. Kết quả, đã giới thiệu việc làm cho 1.460/5.933 người đang hưởng TCTN.

- 07 tháng đầu năm 2022: đã tư vấn giới thiệu việc làm cho 5.691 lượt người/3.293 người đang hưởng TCTN. Kết quả, đã giới thiệu việc làm cho 1.960/3.293 người đang hưởng TCTN.

5. Hỗ trợ học nghề

5.1. Hỗ trợ học nghề cho người lao động

- Trong thời kỳ thanh tra, có 02 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho người lao động hưởng TCTN: Trường Cao đẳng Cơ giới, Trung tâm Đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ Giao thông vận tải Quảng Ngãi.

- Số người hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề/tổng số người hưởng TCTN: có 06 người được hỗ trợ học nghề so với 9.226 người hưởng trợ cấp thất nghiệp, số tiền đã chi học nghề là 15.500.000 đồng.

- Thời gian hỗ trợ học nghề: theo tháng học thực tế (từ 03 tháng đến 06 tháng).

- Mức hỗ trợ học nghề: trước ngày 15/5/2021 là 1.000.000 đồng/người/tháng, từ ngày 15/5/2021 đến thời điểm thanh tra là 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Trong thời kỳ thanh tra, không có trường hợp hưởng hỗ trợ học nghề sai quy định.

- Thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề của người lao động là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề.

5.2. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

- Trong thời kỳ thanh tra, đã tiếp nhận và phê duyệt hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho 189 lao động của Công ty TNHH Điện tử FOSTER - Quảng Ngãi, với kinh phí là 567.000.000 đồng. Tại thời điểm thanh tra, Công ty TNHH Điện tử FOSTER không thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động nên đã đề nghị hoàn trả lại số tiền 567.000.000 đồng đã được hỗ trợ (Công văn số 271/FVQ-HR ngày 17/8/2022).

- Việc theo dõi, giám sát tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo quyết định hỗ trợ của Chủ tịch UBND tỉnh: không thực hiện do Công ty TNHH Điện tử FOSTER không thực hiện đào tạo, bồi

dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động và đã đề nghị hoàn trả kinh phí được cấp nên Sở không tổ chức theo dõi, giám sát.

6. Công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN

6.1. Công tác thanh tra việc thực hiện pháp luật BHTN

- Năm 2021: LĐTBXH không thanh tra việc chấp hành các quy định về BHTN tại các đơn vị sử dụng lao động do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

- Năm 2022: Kế hoạch thanh tra được phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/12/2021 của Giám đốc Sở LĐTBXH, có xây dựng kế hoạch thanh tra việc chấp hành pháp luật về BHTN tại 30 doanh nghiệp. Tại thời điểm thanh tra, Sở chưa tiến hành thanh tra theo kế hoạch.

6.2. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN

Trong thời kỳ thanh tra, tại Sở không có đơn khiếu nại, tố cáo về BHTN.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về BHTN được Sở và Trung tâm thực hiện

1.1. Đã thực hiện công tác tham mưu, tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách pháp luật về BHTN.

1.2. Đã phối hợp với cơ quan BHXH để thực hiện chính sách pháp luật về BHTN trên địa bàn.

1.3. Sở và Trung tâm đã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, lưu trữ hồ sơ về BHTN theo quy định.

1.4. Đã thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính về BHTN kịp thời theo quy định.

1.5. Đã quản lý, sử dụng kinh phí quản lý BHTN từ quỹ BHTN đúng quy định.

1.6. Đã tổ chức công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động có nhu cầu.

1.7. Đã tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề và giải quyết kịp thời cho người lao động.

2. Những quy định của pháp luật về BHTN chưa được Sở và Trung tâm thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Tại Sở:

2.1.1. Chưa chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức thu hồi tiền hưởng TCTN không đúng quy định của 48 người, với số tiền là 197.957.932 đồng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

2.1.2. Chưa quan tâm đúng mức đến công tác thanh tra, kiểm tra về thực hiện pháp luật lao động nói chung và pháp luật về BHTN nói riêng.

2.2. Tại Trung tâm:

2.2.1. Một số thông báo tìm kiếm việc làm không ghi đúng và đầy đủ các nội dung theo mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Quyết định hưởng TCTN số 2468, 2515 ngày 02/6/2022, số 3112, 3054 ngày 24/6/2022).

2.2.2. Hồ sơ chấm dứt hưởng TCTN không có bản sao giấy tờ có liên quan đến việc chấm dứt hưởng TCTN theo quy định tại điểm 2 khoản 9 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 (Quyết định số 440, 475, 490, 503, 527 ngày 04/02/2021, số 723 ngày 01/3/2021, số 546, 576 ngày 17/02/2021).

2.2.3. Hồ sơ hủy quyết định hưởng TCTN ghi sai lý do hủy: Quyết định số 812 ngày 11/3/2021 ghi người lao động đến nhận hồ sơ đề nghị hưởng TCTN vì không có nhu cầu hưởng TCTN nhưng Trung tâm tham mưu ban hành quyết định hủy quyết định hưởng TCTN với lý do người lao động không đến nhận quyết định trong 03 ngày ghi trên phiếu hẹn và không thông báo cho Trung tâm.

2.2.4. Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-TTĐVVL ngày 01/10/2019 có nội dung chung chung hoặc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, cụ thể:

- Điểm 1.3 khoản 1 Điều 4 áp dụng văn bản pháp luật hết hiệu lực: tiền lương làm thêm giờ vào ngày nghỉ được thực hiện theo Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Điểm a khoản 3 Điều 4 quy định chung chung “tiền phòng nghỉ tại nơi công tác theo quy định của Nhà nước”, “Nếu không ngủ khách sạn thì được thanh toán tiền phòng nghỉ theo phương thức khoán chi theo quy định hiện hành của Nhà nước”;

- Điểm 9.2 khoản 9 Điều 4 quy định chung chung “chi cho công tác đào tạo ngắn hạn, đào tạo ngoại ngữ như: nguyên phụ liệu, thù lao giáo viên dạy nghề, giáo viên thỉnh giảng, kiểm tra, cấp chứng chỉ kết thúc khóa học”.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Giám đốc Sở

1.1. Khắc phục thiếu sót nêu tại điểm 2.1.1 và 2.1.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

1.2. Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm thực hiện kiến nghị nêu tại điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

2. Đối với Giám đốc Trung tâm

2.1. Khắc phục các thiếu sót nêu tại tiết 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3 điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra khi có phát sinh.

2.2. Khắc phục các sai sót nêu tại tiết 2.2.4 điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

2.2. Khắc phục các sai sót nêu tại tiết 2.2.4 điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra, Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi phải khắc phục xong các thiếu sót nêu tại Kết luận thanh tra và gửi báo cáo (bằng văn bản) kết quả khắc phục các thiếu sót nêu tại Mục III Kết luận thanh tra về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.).

Nơi nhận: *HT*

- SLĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi (để t/h);
- Phó Chánh thanh tra Nguyễn Thị Hồng Diệp (để biết, chỉ đạo);
- Cục Việc làm (để p/h);
- Công TTĐT Bộ; trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng

Phụ lục
Danh sách người lao động phải thu hồi quyết định TCTN

STT	Họ và tên	Năm thực hiện các hoạt động dẫn đến thu hồi	Số Quyết định hưởng TCTN	Ngày, tháng năm ban hành	Số tháng được hưởng	Số tiền thực tế phải thu hồi	Lý do thu hồi	Số tiền còn lại phải thu hồi	Lý do chưa thu hồi được
1	Nguyễn Nhật Khanh	2019	5880/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	12/19/2018	3	6,030,000	Có việc làm	6,030,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
2	Đào Văn Thắng	2019	80/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	11/01/2018	4	7,447,200	Có việc làm	7,447,200	Không liên lạc được với NLD, NLD đã nhận BHXH 1 lần
3	Nguyễn Đình Tiến	2018	1774/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	6/12/2018	4	13,851,200	Có việc làm	13,851,200	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
4	Lâm Thị Trâm	2017	2787/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	10/10/2017	3	3,800,000	Có việc làm	3,800,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
5	Bùi Quốc Việt	2017	1114/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	6/9/2015	5	16,071,000	Có việc làm	16,071,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
6	Trần Thị Huệ	2016	2666/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	10/28/2015	4	3,980,100	Có việc làm	3,980,100	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
7	Nguyễn Duy Tây	2017	713/QĐ-SLĐTBXH	5/14/2012	3	3,364,200	Có việc làm	3,364,200	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
8	Mai Trường Hạnh	2018	2162/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	7/2/2018	3	2,030,610	Có việc làm	2,030,610	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương

9	Phạm Anh Vũ	2015	2443/QĐ-SLĐTBXH	11/5/2014	3	4,044,600	Có việc làm	4,044,600	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
10	Nguyễn Tấn Duy	2017	552/QĐ-SLĐTBXH	4/12/2012	6	6,603,480	Có việc làm	6,603,480	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
11	Lê Thị Dương Hồng	2015	1404/QĐ-SLĐTBXH	7/7/2015	3	1,518,000	Có việc làm	1,518,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
12	Nguyễn Văn Khoa	2016	369/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	3/16/2016	6	3,325,800	Có việc làm	3,325,800	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
13	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	2017	220/QĐ-SLĐTBXH	2/4/2016	4	1,407,000	Có việc làm	1,407,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
14	Đình Tấn Thanh	2016	461/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	4/1/2016	3	1,620,000	Có việc làm	1,620,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
15	Hồ Văn Đình	2017	1747/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	8/11/2016	3	6,919,600	Có việc làm	6,919,600	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
16	Nguyễn Thị Bích Vân	2017	1071/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	5/22/2017	3	1,667,880	Có việc làm	1,667,880	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
17	Nguyễn Ngọc Viên	2018	931/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	18/04/2018	3	1,740,000	Có việc làm	1,740,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
18	Trần Đình Trung	2018	1010/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	18/04/2018	9	6,171,178	Có việc làm	6,171,178	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương

19	Hà Thị Ngọc Huyền	2018	1166/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	5/9/2018	3	2,245,617	Có việc làm	2,245,617	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
20	Bùi Ngọc Hoàng	2018	2096/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	28/06/2018	3	1,996,000	Có việc làm	1,996,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
21	Huỳnh Thị Phi Diễm	2018	4086/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	8/28/2018	5	8,611,200	Có việc làm	8,611,200	Không liên lạc được với NLD
22	Đào Thị Việt	2018	3078/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	08/08/2018	3	2,184,000	Có việc làm	2,184,000	Không liên lạc được với NLD
23	Huỳnh Tấn Thọ	2019	4968/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	10/12/2018	6	8,049,600	Có việc làm	8,049,600	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
24	Nguyễn Thanh Lân	2020	5278/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	11/5/2018	3	2,088,000	Có việc làm	2,088,000	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
25	Nguyễn Tấn Thanh	2019	5517/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	11/21/2018	6	5,082,000	Có việc làm	5,082,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
26	Đình Ngọc Tuấn	2019	5541/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	27/11/2018	5	4,190,040	Có việc làm	4,190,040	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
27	Bùi Thị Đào	2019	595/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	14/03/2019	3	4,555,200	Có việc làm	4,555,200	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
28	Trần Minh Đạt	2019	2038/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	11/06/2019	3	1,845,000	Có việc làm	1,845,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương

29	Hoàng Thanh Thư	2020	2235/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	17/06/2019	10	2,226,780	Có việc làm	2,226,780	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
30	Nguyễn Xuân Ngọc	2020	662/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	20/03/2020	4	3,990,516	Có việc làm	3,990,516	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
31	Phạm Ngọc Tinh	2020	1802/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	14/05/2020	4	2,558,400	Có việc làm	2,558,400	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
32	Nguyễn Văn Nam	2020	6124/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	29/11/2019	10	10,164,000	Có việc làm	10,164,000	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
33	Đặng Thị Minh	2020	2089/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	20/05/2020	5	2,363,340	Có việc làm	2,363,340	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
34	Huỳnh Thị Thúy Hằng	2020	5528/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	27/11/2018	3	1,694,700	Có việc làm	1,694,700	Không liên lạc được với NLD, không có mặt ở địa phương
35	Phạm Minh Châu	2020	2730/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	05/06/2020	5	2,681,271	Có việc làm	2,681,271	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
36	Huỳnh Hùng	2020	2569/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	01/06/2020	3	2,304,000	Có việc làm	2,304,000	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
37	Nguyễn Tấn Bảo	2020	4656/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	24/08/2020	4	3,316,400	Có việc làm	3,316,400	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp

38	Phạm Tấn Sơn	2020	2554/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	26/05/2020	8	2,125,020	Có việc làm	2,125,020	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
39	Bùi Văn Hậu	2022	5552/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	13/12/2021	11	2,599,500	Có việc làm	2,599,500	Không liên lạc được
40	Trần Minh Chánh	2022	92/QĐ-SLĐTBXH/TCTN	07/01/2022	12	3,082,000	Có việc làm	3,082,000	Đã liên lạc nhưng không nghe máy
41	Lê Thị Ngọc Uyên	2021	6455/QĐ-SLĐTBXH	12/11/2020	3	2,400,000	Có việc làm	2,400,000	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
42	Đàm Ngọc Tân	2021	3061/QĐ-SLĐTBXH	29/06/2021	4	3,312,300	Có việc làm	3,312,300	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
43	Phạm Thị Thu Hiền	2021	3746/QĐ-SLĐTBXH	03/08/2021	3	2,354,000	Có việc làm	2,354,000	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
44	Lộ Thị Thu Thủy	2021	1601/QĐ-SLĐTBXH	06/05/2021	3	3,353,400	Có việc làm	3,353,400	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
45	Trần Văn Thi	2021	3683/QĐ-SLĐTBXH	27/07/2021	6	6,213,500	Có việc làm	6,213,500	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
46	Nguyễn Thị Huệ	2021	5359/QĐ-SLĐTBXH	24/11/2021	3	2,557,800	Có việc làm	2,557,800	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp

47	Bùi Văn Hậu	2022	47/QĐ-SLĐTBXH	05/01/2022	4	2599500	Có việc làm	2599500	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
48	Lâm Thanh Hựu	2022	545/QĐ-SLĐTBXH	11/2/2022	8	3605000	Có việc làm	3605000	Đã làm VB thông báo nhiều lần đến đơn vị và NLD nhưng NLD vẫn chưa nộp
	Tổng							197.957.932	

